



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

|                           |                                                                  |                                            |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Số/ No: 1577/2025/TN-ETSC | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>CERTIFICATE OF TESTING</b> | Ngày/ Date: 10/06/2025<br>Trang/ Page: 1/2 |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|

|                                                                                                |                                                                                                                                                         |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Khách hàng yêu cầu:<br><i>Customer:</i>                                                     | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2</b><br><b>CHI NHÁNH VẬN HÀNH VÀ BẢO TRÌ NHÀ MÁY ĐIỆN –</b><br><b>NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI BÁCH KHOA Á CHÂU 1</b> |
| 2. Địa chỉ thử nghiệm:<br><i>Place of test:</i>                                                | Phòng Kiểm Định Và Thí Nghiệm Điện – ETSC                                                                                                               |
| 3. Đối tượng thử nghiệm:<br><i>Object:</i>                                                     | Đầu thử điện cao thế<br><i>High voltage detector</i>                                                                                                    |
| 4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt:<br><i>Quantity/Installation location:</i>                         | 01 Thiết bị/ 01 Equipment                                                                                                                               |
| 5. Phương pháp thử nghiệm:<br><i>Method of testing:</i>                                        | - TN/QT-01;<br>- Theo yêu cầu của khách hàng/ <i>At the request of customers;</i><br>- Tài liệu NSX/ <i>Manufacturer's documentation.</i>               |
| 6. Thời gian thực hiện:<br><i>Inspection Date:</i>                                             | 06÷07/06/2025                                                                                                                                           |
| 7. Thông số kỹ thuật:<br><i>Specification:</i>                                                 | Loại/ <i>Type:</i> DL740-2014                                                                                                                           |
|                                                                                                | Năm sản xuất/ <i>Date of manufacture:</i> 29/04/2019                                                                                                    |
|                                                                                                | Dải điện áp kiểm tra/ <i>Range voltage check:</i> 0V÷35kVAC                                                                                             |
|                                                                                                | Tần số/ <i>Frequency:</i> 50/60 Hz                                                                                                                      |
|                                                                                                | Số quản lý/ <i>Serial No:</i> Không rõ/NA                                                                                                               |
| 8. Phương tiện thử nghiệm:<br><i>Testing equipment:</i>                                        | Nhà sản xuất/ <i>Manufacture:</i> GSY - CHINA                                                                                                           |
|                                                                                                | Kyoritsu 3125A; DTE 70/50D; HZXC-10HZJ.                                                                                                                 |
|                                                                                                |                                                                                                                                                         |
|                                                                                                |                                                                                                                                                         |
|                                                                                                |                                                                                                                                                         |
| 9. Điều kiện môi trường:<br><i>Environmental conditions:</i>                                   | ( 32 ± 2 ) °C ; ( 60 ± 5 ) % RH                                                                                                                         |
| 10. Kết quả thử nghiệm:<br><i>Testing result:</i>                                              | Xem trang sau<br><i>See next page</i>                                                                                                                   |
| 11. Tem thử nghiệm:<br><i>Testing stamp No:</i>                                                | 1117/25/ETSC                                                                                                                                            |
| 12. Kết luận:<br><i>Conclusion</i>                                                             | Đầu thử điện cao thế nêu trên đạt tiêu chuẩn kỹ thuật / <i>The above h.v.proximity detector meets technical standards</i>                               |
| 13. Khuyến cáo thời hạn thử nghiệm lần sau: 06/2026<br><i>Recommended next testing period:</i> |                                                                                                                                                         |

Người Thực Hiện  
*Executor*

Nguyễn Đức Tiến Luyện



Nguyễn Quốc Hoàn



TN/QT-01/M1

Ban hành lần 2



|                           |                                                                  |                                            |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Số/ No: 1577/2025/TN-ETSC | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>CERTIFICATE OF TESTING</b> | Ngày/ Date: 10/06/2025<br>Trang/ Page: 2/2 |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1  
Content of measured results 10 page 1

**10.1 Kiểm tra trực quan / Visual check:** Không phát hiện bất thường/ Pass.

| Stt<br>No | Đối tượng đo<br>Measuring object                             | So sánh tham chiếu<br>Compare reference           | Kết quả<br>Result | Đánh giá<br>Assess |
|-----------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------|--------------------|
| 1         | Nhãn mác/ Label                                              | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal | Còn tốt/ Good     | Đạt/ Ok            |
| 2         | Kiểm tra hiện trạng bên ngoài/ Check the equipments exterior | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal | Còn tốt/ Good     | Đạt/ Ok            |
| 3         | Bề mặt cách điện/ Insulation surface                         | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal | Còn tốt/ Good     | Đạt/ Ok            |

**10.2 Điện trở cách điện/ Insulation resistance:**

| Đối tượng đo<br>The object of measurement | Mức tiêu chuẩn<br>Standard level<br>(MΩ) | Kết quả đo<br>Measurement<br>results (MΩ) | Đánh giá<br>Assess |
|-------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|
| Đầu tiếp xúc - Vỏ<br>Contact head - Case  | > 1.000                                  | > 50.000                                  | Đạt/ Pass          |

**10.3 Kiểm tra kỹ thuật/ Technical check:**

| Stt<br>No | Đối tượng đo<br>Measuring object | Điện áp thử nghiệm<br>Check voltage (kV) | Kết quả<br>Result                                                               | Đánh giá<br>Assess |
|-----------|----------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1         | 0V÷35kVAC                        | 0,24kV                                   | Thiết bị không có tín hiệu<br>Device has no signal                              | /                  |
| 2         |                                  | 1kV                                      |                                                                                 | /                  |
| 3         |                                  | 3kV                                      |                                                                                 | /                  |
| 4         |                                  | 4kV                                      | Thiết bị báo/ Alarm device:<br>- Chớp đèn/ Flashing lights<br>- Âm thanh/ Sound | Đạt/ Ok            |
| 5         |                                  | 11kV                                     |                                                                                 | Đạt/ Ok            |
| 6         |                                  | 22kV                                     |                                                                                 | Đạt/ Ok            |
| 7         |                                  | 35kV                                     |                                                                                 | Đạt/ Ok            |